TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **13** /2019/QĐST-HNGĐ
Ngày: 31-7-2019
V/v *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Liên** - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà **Trần Thị Thanh Thảo** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên họp:

Bà **Nguyễn Thị Hồng Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam mở phiên họp công khai để giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, theo Quyết định mở phiên họp số 12B /2019/QĐ-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Tô Thị N**, sinh năm: 1982, nơi cư trú: Số 01, đường N, phường A, thành phố T, tỉnh Q.

Bà Tô Thị N vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ông **Phan, Duy V (Phan Viet D)**, sinh năm: 1969, nơi cư trú: 6851 Roswell Rd # F 29 A. GA. 30328, H

Ông **Phan, Duy V (Phan Viet D)** vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Theo đơn yêu cầu ngày 10-6-2019, bản trình bày của ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N thể hiện: Ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2016 tại Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng không chung sống cùng nhau, do ông Phan, Duy V (Phan Viet D) định cư ở H, còn bà N ở Việt Nam. Ông Phan, Duy V (Phan Viet D) có ý định bảo lãnh bà Tô Thị N qua Mỹ chung sống, tuy nhiên kể từ ngày kết hôn đến nay, mọi giấy tờ bảo lãnh vẫn chưa hoàn thành và do điều kiện sống mỗi người một nơi nên bà N và

ông Phan, Duy V (Phan Viet D) nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng. Do đó, hôn nhân của ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà N không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục cuộc sống chung. Nay, ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N là loại việc hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các tài liệu chứng cứ kèm theo của người yêu cầu ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N cung cấp được công chứng, chứng thực chữ ký hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó được Tòa án chấp nhận. Đồng thời, ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không thuộc trường hợp phải tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án tiến hành xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 369 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 01 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký số 107 quyển số 01/2014 ngày 22 tháng 02 năm 2016 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, việc kết hôn của ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N là đúng pháp luật. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân của ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N không hạnh phúc do hai vợ chồng không chung sống cùng nhau (ông Phan, Duy V ở Hoa Kỳ, bà N ở Việt Nam), ông Phan, Duy V có ý định bảo lãnh bà Tô Thị N qua Mỹ chung sống, tuy nhiên kể từ ngày kết hôn đến nay, mọi giấy tờ bảo lãnh vẫn chưa hoàn thành. Nay, Phan, Duy V (Phan Viet D)và bà Tô Thị N nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung được nữa, yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét, cuộc sống chung của ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N không thực hiện nghĩa vụ tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

của ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N là tự nguyện, phù hợp theo quy định Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung: Ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về con chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N phải chịu lệ phí theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông Phan, Duy V (Phan Viet D) và bà Tô Thị N mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000316 ngày 24-6-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Liên